

PRECISION IN EVERY DETAIL

FXJ-08W

Bộ phân hủy COD hồi lưu theo phương pháp tiêu chuẩn Trung Quốc

Phân hủy hồi lưu hàng loạt cho phân tích nước.

**8**

Vị trí mẫu

PID

Điều khiển nhiệt có hẹn giờ

2000 W

Công suất gia nhiệt

Từ thiết bị chuyên dụng đến giải pháp phòng thí nghiệm hoàn chỉnh.

Tài liệu sản phẩm · V0.0.7

01

PRODUCT ADVANTAGES

Từ gia nhiệt đến ngưng tụ, duy trì quy trình liên tục.

Giới thiệu sản phẩm

Mặt gia nhiệt gồm thủy tinh và điều khiển vi tính thực hiện nguyên tắc phương pháp dichromat HJ828-2017, gồm gia nhiệt hồi lưu sôi nhẹ trong 2 giờ. Pha và lượng thuốc thử tương ứng phương pháp nêu trong nguồn.

01

Cấu trúc và gia nhiệt đồng thời

Gồm thân máy, mặt gia nhiệt gồm thủy tinh, bộ bình tam giác-ống ngưng tụ hồi lưu và quạt làm mát. Điều khiển PID theo thời gian, gia nhiệt đồng thời 8 bộ.

02

Mặt gia nhiệt gồm thủy tinh

Mặt nhập khẩu chịu nhiệt tới 800°C, gia nhiệt đều, đáp ứng tăng giảm nhiệt nhanh; kết hợp phần tử sợi gốm chịu nhiệt cao để giảm thất thoát nhiệt.

03

Vệ sinh và bảo trì

Mặt phẳng nhẵn có thể lau bằng khăn ẩm, giảm hư hại do ăn mòn thuốc thử và va chạm.

04

Hồi lưu và ngưng tụ

Ống ngưng tụ thủy tinh có phần cầu phía trên để thêm chất xúc tác và hạn chế bay hơi thành phần nhẹ; cấu trúc nhám phía dưới tăng cường ngưng tụ.

05

Làm mát bằng không khí

Làm mát không khí thay nước máy truyền thống, phối hợp quạt bên trong để bảo đảm hồi lưu và tính song song của mẫu.

06

Dừng tự động và hỗ trợ làm mát

Sau phân hủy, máy dừng gia nhiệt, quạt tiếp tục chạy 120 phút để làm mát mẫu.

07

Phương pháp và xử lý dải đo

Pha thuốc thử, thao tác và tính COD theo HJ828-2017 trong nguồn. Với $COD < 50$ mg/L có thể pha loãng dung dịch chuẩn độ và chất oxy hóa; với $COD > 700$ mg/L cần pha loãng mẫu theo tỷ lệ trước khi đo.

02

PRODUCT VIEWS

Thiết bị đầy đủ và cụm thủy tinh hồi lưu.



Mặt trước trong tài liệu gốc



Góc nhìn khác trong tài liệu gốc

Các thành phần

Mặt gồm thủy tinh, bình tam giác, ống hồi lưu, thân máy và quạt làm mát tạo thành hệ phân hủy. Đối chiếu ngoại hình và cấu hình với hình gốc cùng thông số.

03

FULL SPECIFICATIONS

Cấu hình phân hủy và thông số kỹ thuật.

Hạng mục	Giá trị và điều kiện
Số lượng mẫu	8 vị trí; 8 bình tam giác 250 ml với cổ mài 24#
Dải đo	10–700 mg/L; 700–10000 mg/L sau khi pha loãng mẫu
Thời gian đo	10 phút–2 giờ
Sai số đo: dung dịch chuẩn	Dung dịch chuẩn kali hydro phthalat 500 mg/L; độ lệch chuẩn tương đối $\leq \pm 5.0\%$
Sai số đo: nước thải công nghiệp	Nước thải hữu cơ công nghiệp 500 mg/L; độ lệch chuẩn tương đối $\leq \pm 8.0\%$
Dải điều khiển nhiệt	Nhiệt độ phòng–300°C; hiển thị số trực tiếp nhiệt mặt gia nhiệt, có thể điều chỉnh
Dải hẹn giờ	5–150 min; hiển thị số trực tiếp, có thể điều chỉnh
Nhiệt độ môi trường	–20–55°C
Độ ẩm môi trường	$\leq 85\%$ RH, không ngưng tụ
Nguồn điện	AC 220 V / 50 Hz
Công suất gia nhiệt	2000 W
Kích thước	440 × 350 × 590 mm; chiều cao gồm ống hồi lưu 765 mm
Khối lượng	17.5 kg

04

APPLICATIONS & METHOD

Tiền xử lý COD cho nhiều loại nước.

Nước mặt

Nước thải sinh hoạt

Nước thải công nghiệp

Bảo vệ môi trường

Nghiên cứu

Sản xuất giấy

Hóa dầu

Luyện kim

In và nhuộm



Hình ứng dụng môi trường từ tài liệu gốc

Tiêu chuẩn được nêu trong tài liệu gốc

HJ828-2017: Chất lượng nước — Xác định nhu cầu oxy hóa học — Phương pháp dichromat.

Phạm vi ứng dụng

Thiết bị thực hiện phân hủy mẫu trong phân tích COD. Pha loãng, thuốc thử và tính toán phải theo phương pháp được chọn.

Thông số, ngoại hình và cấu hình theo nguồn; kiểm tra thiết bị cung cấp và yêu cầu phương pháp khi nghiệm thu.